TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-4-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tần Quốc Bình
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt
2. Bà Lê Thị Kim Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Đăng Huy, Thư ký Toà án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 4, TP. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 539/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2023/QĐST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà T.T.B.T, sinh năm 1992 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
Địa chỉ thường trú: T.Đ, Phường x, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
Địa chỉ tạm trú: ấp BT, xã TT, huyện CN, tỉnh CM.
- Bị đơn: Ông NHT, sinh năm 1988 (vắng mặt)
Địa chỉ: T.Đ, Phường x, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà T.T.B.T trình bày:

Bà T.T.B.T và ông NHT chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường x, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 006/2011, do Ủy ban nhân dân Phường x, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/01/2011).

Chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không đồng quan điểm và suy nghĩ, không chia sẻ với nhau về tình cảm và đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hòa giải được, nên bà T** yêu cầu ly hôn với ông T*** để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung, bà T** và ông T*** có 01 con chung là NNBT, sinh ngày 01/01/2011, đang sống với cha là ông T*** và gia đình bà nội từ nhỏ đến nay. Do bản thân công việc chưa ổn định, cháu đang sống với cha và gia đình nội tốt

nên bà T*** đồng ý giao con cho ông T*** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà T** đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tòa có yêu cầu bà T** dẫn theo con đến để Tòa án ghi nhận nguyện vọng của cháu. Nhưng do cháu bận việc học nên bà T** không thể đưa cháu đến Tòa được.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà T** xác định bà và ông T*** không có tài sản chung, nợ chung không có.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn ông NHT vắng mặt mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập. Do đó, trong hồ sơ không có lời khai và ý kiến của ông T***. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng ông T*** vẫn không có mặt tại Tòa án. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T*** vắng mặt lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử , Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa.

Tại Biên xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 01/3/2023 thể hiện: Hiện không thấy bà T** và ông T*** sống chung với nhau tại địa chỉ T.Đ, Phường x, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh. Chỉ có ông T*** và con là NNBT, sinh năm 2011 đang sống cùng nhau tại địa chỉ này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 phát biểu ý kiến kết luận việc thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã được thực hiện theo đúng, đầy đủ theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà T.T.B.T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét thấy việc bà T.T.B.T khởi kiện xin ly hôn là vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình. Do ông NHT đang cư trú tại Quận 4 nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông NHT không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử vụ án hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu của đương sự nhận thấy:

Bà T.T.B.T và ông NHT tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường x, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 006/2011, do Ủy ban nhân dân Phường x, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/01/2011). Do đó, hôn nhân của bà T** và ông T*** là hợp pháp.

Quá trình chung sống bà T** và ông T*** phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không đồng quan điểm và suy nghĩ, không chia sẻ với nhau về tình cảm. Cả hai đã ly thân không còn chung sống với nhau nữa.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T*** vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện ông T*** không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T**. Do đó, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn giữa bà T** và ông

T*** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà T.T.B.T ly hôn với ông NHT.

Về con chung: Căn cứ lời khai nhận của đương sự, bản sao giấy khai sinh, có cơ sở xác định bà T** và ông T*** có 01 con chung là NNBT, sinh ngày 01/01/2011. Tuy, ông T*** không có lời khai về con chung, nhưng cháu T*** sống cùng cha là ông T*** và gia đình nội từ nhỏ đến nay. Mặt khác, bà T** chưa có công việc ổn định nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T** về việc giao con chung là cháu T*** cho ông T*** trực tiếp nuôi dưỡng, bà T** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 dương lịch hàng tháng và bắt đầu thực hiện từ tháng 5/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà T** xác định không có và ông T*** không có ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bà T.T.B.T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T.T.B.T được ly hôn với ông NHT (Giấy chứng nhận kết hôn số 114, quyển số 006/2011, do Ủy ban nhân dân Phường x, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 13/01/2011).

- Về con chung: Giao con chung là NNBT, sinh ngày 25/10/2011 cho ông NHT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T.T.B.T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Việc cấp dưỡng được thiện hiện vào ngày 15 dương lịch hàng tháng và bắt đầu thực hiện từ tháng 5/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc thay đổi mức cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà T.T.B.T xác định không có và ông NHT không có ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí:

- Bà T.T.B.T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T** đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0009422 ngày 25/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4.

- Bà T.T.B.T phải chịu án phí cấp dưỡng sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tần Quốc Bình